**Quản lý 1 đang thực hiện update loại món ăn trong bảng món ăn (chưa commit) của món A, thì quản lý 2 xóa loại món ăn trong bảng loại món ăn của món X. (sửa)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên Use Case:** | Cập nhật loại món ăn cho một món ăn. | |
| **Kịch bản:** | Quản lý muốn cập nhật lại loại món của một món ăn thuộc chi nhánh mình quản lý. | |
| **Sự kiện kích hoạt:** | Quản lý chọn một món ăn rồi cập nhật loại món ăn. | |
| **Tóm tắt mô tả:** | Quản lý sẽ vào quản lý món ăn ở chi nhánh mình quản lý, rồi thực hiện cập nhật loại món của một món ăn ở chi nhánh đó. | |
| **Actors:** | Quản lý. | |
| **Stakeholders:** |  | |
| **Điều kiện trước:** | Quản lý đăng nhập thành công vào hệ thống. | |
| **Điều kiện sau:** | Số lượng của món ăn được cập nhật thành công. | |
| **Luồng chính:** | Actor | System |
| 1. Quản lý đăng nhập. 2. Quản lý chọn chức năng quản lý món ăn. 3. Quản lý nhấn chọn vào món ăn. 4. Quản lý chọn loại món ăn bên khung CRUD. | 1. Hệ thống kiểm tra thông tin và phân quyền. 2. Hệ thống hiển thị dashboard quản lý món ăn. 3. Hệ thống hiển thị thông tin món ăn (cho phép thay đổi) trong khung CRUD. 4. Hệ thống kiểm tra rồi cập nhật vào database và hiển thị lại loại món ăn của món ăn đó. |
| **Ngoại lệ:** | 1.1. Nếu đăng nhập sai, hệ thống yêu cầu đăng nhập lại.  1.2. Nếu tài khoản bị khóa, hệ thống thông báo tùy chối truy cập.  4.1. Nếu quản lý không xác nhận thì ảnh mới sẽ không được cập nhật. | |